

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016



Hải Phòng, tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động quý 2 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên (từ nhiệm ngày 01/7/2016)
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/02/2016)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã	Thuyết	30/06/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.450.715.083.540	2.349.717.807.748
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	859.186.116.157	1.171.668.961.521
1. Tiền	111		258.121.308.697	76.982.486.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		601.064.807.460	1.094.686.475.432
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	829.275.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		829.275.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		197.276.193.505	342.126.386.294
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		28.399.502.274	24.904.420.092
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	146.989.491.369	307.161.484.589
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		21.887.199.862	10.060.481.613
IV. Hàng tồn kho	140	7	551.304.890.614	817.444.017.882
1. Hàng tồn kho	141		552.892.569.997	818.760.481.699
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.587.679.383)	(1.316.463.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.672.883.264	18.478.442.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		186.818.181	240.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.447.342.831	18.238.442.051
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		38.722.252	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		796.951.579.878	588.160.958.435
I. Tài sản cố định	220		10.461.439.131	11.216.340.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	10.461.439.131	11.216.340.040
- Nguyên giá	222		13.473.079.215	13.267.480.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.011.640.084)	(2.051.140.760)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		786.441.922.015	576.886.985.528
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	786.441.922.015	576.886.985.528
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		48.218.732	57.632.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		48.218.732	57.632.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.247.666.663.418	2.937.878.766.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		129.656.060.429	176.709.618.575
I. Nợ ngắn hạn	310		129.656.060.429	176.709.618.575
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		34.028.365.000	1.712.250.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	9	35.329.143.548	39.533.239.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.580.958.325	2.655.549.857
4. Phải trả người lao động	314		361.204.250	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	613.636.373
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	47.076.460.550	47.246.460.550
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	75.000.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.863.225.474	1.526.779.294
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.416.703.282	8.421.703.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.118.010.602.989	2.761.169.147.608
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.118.010.602.989	2.761.169.147.608
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	11	2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	11	139.290.925.591	124.532.011.543
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42.082.508.146)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	11	19.572.915.034	19.572.915.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11	252.519.922.034	284.794.837.523
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		132.512.534.091	956.828.116
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		120.007.387.943	283.838.009.407
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.268.718.476	1.365.103.508
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.247.666.663.418	2.937.878.766.183



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc


Ngày 20 tháng 7 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016		Năm 2015	
			Quý 2	Lũy kế đến 30/6	Quý 2	Lũy kế đến 30/6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		456,565,777,262	950,194,727,262	1,451,702,474,649	2,045,648,617,434
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		863,636,364	863,636,364	1,277,272,727	1,277,272,727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	14	455,702,140,898	949,331,090,898	1,450,425,201,922	2,044,371,344,707
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	438,054,085,112	883,534,824,585	1,291,678,604,707	1,806,413,766,702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		17,648,055,786	65,796,266,313	158,746,597,215	237,957,578,005
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	15,383,463,650	28,551,023,415	8,020,510,773	14,021,295,344
7. Chi phí tài chính	22		132,298,740	698,082,540	14,096,322,210	16,033,415,020
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	487,500,000	5,654,177,776	5,654,177,776
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên	24		(461,195,395)	(1,099,087,679)	1,184,168,465	1,184,168,465
9. Chi phí bán hàng	25		1,145,220,118	2,302,319,975	(4,665,107,219)	(3,309,683,648)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,693,455,751	3,631,599,145	4,467,236,213	9,046,690,679
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29,599,349,432	86,616,200,389	154,052,825,249	231,392,619,763
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}			-	-	-	-
12. Thu nhập khác	31		527,585,459	1,232,594,277	3,035,920,334	124,117,567,180
13. Chi phí khác	32		-	917,239,694	408,000	408,000
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	17	527,585,459	315,354,583	3,035,512,334	124,117,159,180
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30,126,934,891	86,931,554,972	157,088,337,583	355,509,778,943
(50 = 30 + 40)						
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,531,736,073	5,336,552,061	13,933,627,798	19,756,519,976
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập	60		27,595,198,818	81,595,002,911	143,154,709,785	335,753,258,967
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	70		27,607,583,850	81,607,387,943	143,050,954,085	335,615,162,607
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	71		(12,385,032)	(12,385,032)	103,755,700	138,096,360
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18		314		3,207


Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu


Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng


Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 11/03/2015 đến 30/6/2015
DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	86.931.554.972	355.509.778.943
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	960.499.324	(118.854.854.917)
Các khoản dự phòng	03	271.215.566	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	31.400.240	2.661.393.595
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(28.450.513.815)	(13.380.552.202)
Chi phí lãi vay	06	487.500.000	5.654.177.776
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	60.231.656.287	231.589.943.195
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	171.281.784.281	(3.571.416.258)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	265.867.911.702	(482.895.340.211)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	29.159.423.287	(395.308.475.739)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	62.595.954	98.496.786
Tiền lãi vay đã trả	14	(487.500.000)	(5.654.177.776)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.455.872.163)	(17.717.217.726)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	7.608.493.449
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(241.085.952)	(356.664.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	520.418.913.396	(666.206.358.280)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(598.305.455)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(829.275.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	379.169.435.124
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(208.000.000.000)	(40.660.652.614)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	156.239.663.640
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.565.700.876	12.396.402.186
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.030.709.299.124)	506.546.542.881
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	315.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(42.082.508.146)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	497.867.831.980
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.000.000.000)	(488.200.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(84.000.000)	(57.492.241.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	197.833.491.854	(47.824.409.020)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(312.456.893.874)	(207.484.224.419)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.171.668.961.521	506.580.539.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(25.951.490)	(16.838.219)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	859.186.116.157	299.079.476.936

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2016



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2016.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2016 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô

Tại ngày 31/03/2016, Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Phòng 8A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 04, từ ngày 11/03/2015, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu hoán đổi với cổ phiếu Công ty Cổ phần phát triển Hoàng Giang, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là báo cáo hợp nhất kỳ đầu tiên được lập từ ngày 11/3/2015 đến ngày 30/6/2015 (báo cáo bán niên) và từ ngày 11/3/2015 đến ngày 31/12/2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập dự phòng 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị quản lý	05
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014 ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.487.912.859	421.613.752
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	256.633.395.838	76.560.872.337
Các khoản tương đương tiền (*)	601.064.807.460	1.094.686.475.432
Cộng	859.186.116.157	1.171.668.961.521

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>	829,275,000,000	829,275,000,000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	829,275,000,000	829,275,000,000	-	-
Cộng	829,275,000,000	829,275,000,000	-	-

	30/06/2016 VND
Tại 01/01/2016	576,886,985,528
Tăng do đầu tư công ty liên kết	208,000,000,000
Ảnh hưởng theo phương pháp vốn chủ	2,654,024,166
Phản lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh, liên kết	(1,099,087,679)
Tại 30/06/2016	786,441,922,015

Công ty liên doanh, liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam (*)	288.000.000.000	288.545.642.072	80.000.000.000	80.381.957.042
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100.000.000.000	101.516.081.451	100.000.000.000	101.566.376.103
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	262.522.400.000	260.572.692.745	262.522.400.000	259.138.652.383
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	135.800.000.000	135.807.505.747	135.800.000.000	135.800.000.000
Cộng	786.322.400.000	786.441.922.015	578.322.400.000	576.886.985.528

(*)Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam. Theo đó số cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy với Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam nâng lên thành 48%.

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Phòng 8A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2016		01/01/2016	
	USD	VND	USD	VND
Ngắn hạn	2.381.051,00	146.989.491.369	6.661.961,00	307.161.484.589
Dongfeng Moto Co.,Ltd	2.381.051,00	73.279.448.369	6.340.661,00	142.740.308.239
Nhà cung cấp nước ngoài khác	-	-	321.300,00	7.244.351.100
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	-	-	-	156.651.825.250
Công ty TNHH TM và xe tải Quốc Tế	-	72.000.000.000	-	-
Các đối tượng khác	-	1.710.043.000	-	525.000.000
Cộng	2.381.051,00	146.989.491.369	6.661.961,00	307.161.484.589

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	119,916,259,292	-	83,140,939,825	-
Thành phẩm	23,287,671,197	-	40,597,106,418	-
Hàng hóa	163,358,772,684	1,587,679,383	290,311,592,491	1,316,463,817
Hàng gửi bán	246,329,866,824	-	404,710,842,965	-
Cộng	552,892,569,997	1,587,679,383	818,760,481,699	1,316,463,817

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2016	12.924.264.002	343.216.798	13.267.480.800
Mua trong kỳ	205.598.415	-	205.598.415
Tại 30/6/2016	13.129.862.417	343.216.798	13.473.079.215
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2016	1.807.837.039	243.303.721	2.051.140.760
Khấu hao trong kỳ	951.199.324	9.300.000	960.499.324
Tại 30/6/2016	2.759.036.363	252.603.721	3.011.640.084
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	11.116.426.963	99.913.077	11.216.340.040
Tại 30/6/2016	10.370.826.054	90.613.077	10.461.439.131

9. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>	35.329.143.548	39.533.239.219
Các đại lý	29.893.143.548	37.642.589.219
Khách hàng lẻ	5.436.000.000	1.890.650.000
Cộng	35.329.143.548	39.533.239.219

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>	47.076.460.550	47.246.460.550
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.440.550	172.440.550
Cộng	47.076.460.550	47.246.460.550

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015	573.642.410.000	14.116.236.000	-	12.780.251.000	146.969.868.807	747.508.765.807
Tăng vốn trong năm	1.588.905.570.000	110.995.557.000	-	-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	168.356.300.000	-	-	-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	6.792.664.034	(168.175.404.084)	(168.175.404.084)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(6.792.664.034)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	481.000.899.770	481.000.899.770
Ảnh hưởng ghi nhận theo pp vốn chủ	-	-	-	-	334.830.980	334.830.980
Giảm khác	-	(579.781.457)	-	-	(186.393.916)	(766.175.373)
Tại 01/01/2016	2.330.904.280.000	124.532.011.543	-	19.572.915.034	284.794.837.523	2.759.804.044.100
Tăng vốn trong kỳ (1)	300.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	315.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (1)	116.536.350.000	-	-	-	(116.536.350.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	81.607.387.943	81.607.387.943
Tăng, giảm Cổ phiếu quỹ (2)	-	-	(42.082.508.146)	-	-	(42.082.508.146)
Ảnh hưởng ghi nhận theo PP vốn chủ	-	-	-	-	2.654.046.568	2.654.046.568
Giảm khác	-	(241.085.952)	-	-	-	(241.085.952)
Tại 30/6/2016	2.747.440.630.000	139.290.925.591	(42.082.508.146)	19.572.915.034	252.519.922.034	3.116.741.884.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(1) Chi tiết phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2016, đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2015 với tỷ lệ 5% và phát hành riêng lẻ như sau:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Số lượng chứng khoán phát hành: 11.653.635 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện: 5%

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Số lượng cổ phiếu phân phối: 30.000.000 cổ phiếu
- Giá bán: 10.500 đồng/ cổ phiếu
- Tổng tiền thu từ chào bán cổ phiếu: 315.000.000.000 đồng.

Đến ngày 30/6/2016 Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 41.653.635 cổ phiếu tương ứng làm tăng vốn điều lệ của Công ty thêm là 416.536.350.000 đồng (Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 2.330.904.280.000 đồng lên thành 2.747.440.630.000 đồng).

(2) Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/4/2016 về việc Công ty sẽ mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa là 05 triệu cổ phiếu theo phương thức khộp lệnh. Đến ngày 30/6/2016, Công ty đã hoàn thành việc mua cổ phiếu quỹ.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 2.747.440.630.000 đồng, danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 20/6/2016 như sau:

	Giá trị cổ phần sở hữu tại 20/06/2016		Giá trị cổ phần sở hữu tại 01/01/2016	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	674.207.720.000	24,54	-	-
Ông Đỗ Hữu Hạ	58.000.000.000	2,11	522.201.510.000	22,40
Ông Đỗ Hữu Hậu	126.955.100.000	4,62	223.128.670.000	9,57
PYN Elite Fund (NON-UCITS)	120.175.660.000	4,37	254.295.410.000	10,91
Cổ đông khác	1.768.102.150.000	64,35	1.331.278.690.000	57,11
Cộng	2.747.440.630.000	100	2.330.904.280.000	100

Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu phổ thông	274.744.063	233.090.428
Số lượng cổ phiếu lưu hành	274.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu phổ thông	269.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu quỹ	5.000.000	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

12. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngoại tệ các loại (USD)	980.891,90	1583,07
Cộng	980.891,90	1583,07

13. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	427.031.145.463	193.263.581.797	329.036.363.638	949.331.090.898
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	426.998.736.373	193.263.581.797	329.036.363.638	949.298.681.808
- Doanh thu khác	32.409.090	-	-	32.409.090
2. Giá vốn	384.208.895.645	185.225.213.418	314.100.715.522	883.534.824.585
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	383.912.652.579	185.225.213.418	314.100.715.522	883.238.581.519
- Giá vốn hoạt động khác	296.243.066	-	-	296.243.066
3. Lợi nhuận gộp	42.822.249.818	8.038.368.379	14.935.648.116	65.796.266.313
- Bán hàng hóa, thành phẩm	43.086.083.794	8.038.368.379	14.935.648.116	66.060.100.289
- Hoạt động khác	(263.833.976)	-	-	(263.833.976)
4. Lợi nhuận trước thuế	39.102.197.059	17.698.016.448	30.131.341.465	86.931.554.972
- Bán hàng hóa, thành phẩm	39.366.031.035	17.698.016.448	30.131.341.465	87.195.388.948
- Hoạt động khác	(263.833.976)	-	-	(263.833.976)

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 11/03/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>950.194.727.262</i>	<i>2.045.648.617.434</i>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	950.162.318.172	2.044.962.264.794
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.409.090	686.352.640
<i>Các khoản giảm trừ</i>	<i>863.636.364</i>	<i>1.277.272.727</i>
Doanh thu thuần	949.331.090.898	2.044.371.344.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 11/03/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	883.233.518.691	1.805.894.223.689
Giá vốn cung cấp dịch vụ	30.090.328	519.543.013
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;	271.215.566	-
Cộng	883.534.824.585	1.806.413.766.702

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 11/03/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	28.450.513.815	13.380.552.202
Lãi chênh lệch tỷ giá	100.509.600	640.743.142
Cộng	28.551.023.415	14.021.295.344

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 11/03/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	487.500.000	5.654.177.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá	210.582.540	10.379.237.244
Cộng	698.082.540	16.033.415.020

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Trong kỳ, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 11/03/2015 đến 30/6/2015 (Đã trình bày lại)
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	233.090.428	57.364.241
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng CP	11.653.635	8.604.528
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu tăng trong năm	14.833.333	38.715.125
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành	259.577.396	104.683.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 11/03/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	81.595.002.911	335.753.258.967
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	81.595.002.911	335.753.258.967
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	259.577.396	104.683.894
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	314	3.207

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan
Công ty CP Đầu tư DVTC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	
Mua hàng hóa, dịch vụ	77.519.990.000
Thanh toán tiền hàng	10.868.164.750
Nhận lại tiền ứng trước	90.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	
Nhận ứng trước tiền hàng	100.000.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	
Góp vốn	208.000.000.000
Bán hàng hóa, thành phẩm	2.645.000.000
Nhận tiền hàng	2.645.000.000
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	
Chi phí khác	762.519.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Phải thu do ứng trước tiền mua hàng	-	156.651.825.250
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Phải trả do nhận ứng trước tiền hàng	200.000.000	100.000.000

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 11/03/2015 (ngày mua Công ty con) đến 30/6/2015 và Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 11/3/2015 đến ngày 31/12/2015 .



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2016



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

